

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị Đ**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ 09, ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* **Ông Phan Văn H**, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Tổ 09, ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: **Luật sư Bùi Thị Kim H** –
Thành viên Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Chị Phan Thị Cẩm N**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 08, ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

+ **Anh Phan Công K**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 09, ấp A, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 29, 33, 34, 35, 37, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Đ và ông Phan Văn

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lê Thị Đ và ông Phan Văn H có 02 con chung Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1982 và Phan Công K, sinh năm 1987 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung:

+ Đối với thửa đất số 368, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.383,5m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long: Bà Lê Thị Đ được quyền sử dụng phần đất Tách 368-2, diện tích 691,7m² (các mốc a, b, 5, 4, a), ông Phan Văn H được quyền sử dụng phần đất Tách 368-1, diện tích 691,8m² (các mốc 1, 2, 3, a, b, 6, 1).

+ Đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17, diện tích 507,9m² loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long: Bà Lê Thị Đ được quyền sử dụng phần đất Tách 407-1, diện tích 345,5m² loại đất ở tại nông thôn – đất trồng cây lâu năm (trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 145,5m² đất trồng cây lâu năm) có gắn căn nhà cấp 4 trên đất (các mốc a, 3, 4, 5, b, a). Ông Phan Văn H được quyền sử dụng phần đất Tách 407-2, diện tích 162,4m² loại đất ở tại nông thôn – đất trồng cây lâu năm (trong đó 100m² đất ở tại nông thôn, 62,4m² đất trồng cây lâu năm) (các mốc 1, 2, a, b, 1).

Bà Lê Thị Đ được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 trên phần đất Tách 407-1, anh Phan Công K không tranh chấp.

+ Bà Lê Thị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.002,1m² loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Phan Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 82 (Tách 82-1 + Tách 82-2), tờ bản đồ số 30, diện tích 2.275m² loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã M và Trích đo bản đồ địa chính khu đất tách thửa, Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 26/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, Trích đo bản đồ địa chính ngày 30/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long)

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu chia đôi 30 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Đ và ông Phan Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Bà Lê Thị Đ đồng ý chịu chi phí do Tòa án nhân dân huyện Tam Bình thực hiện là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và ½ chi phí do Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thực hiện là 1.883.500 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), bà Đ đã nộp tạm ứng trước nên được khấu trừ, bà Đ đã nộp xong.

+ Ông Phan Văn H đồng ý chịu chi phí do Tòa án nhân dân huyện Bình Tân thực hiện là 3.275.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và ½ chi phí do Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thực hiện là 1.883.500 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng). Bà Lê Thị Đ đã nộp tạm ứng trước nên ông H phải nộp 5.158.500 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng) để hoàn trả cho bà Đ.

- Về án phí: Bà Lê Thị Đ tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 13.115.000 đồng (Mười ba triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 25.150.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012308 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành

án dân sự thị xã Bình Minh, bà Đ được nhận lại 11.885.000 đồng (Mười một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Văn H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Huy